

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Triệu Nghĩa

2. Ông Nguyễn Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ L

- Bị đơn: Anh Lê Văn T

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2020, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh Lê Văn T kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên say xỉn, về nhà la mắng vợ con. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị và anh T đã ly thân nhau hơn một năm nay, chị dẫn hai con về nhà bố mẹ đẻ ở còn anh T ở nhà ba mẹ anh T phần ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay tình cảm giữa chị và anh T không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho chị được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Lê Hoàng P, sinh ngày 20/3/2016 và Lê Hoàng Bích T, sinh ngày 9/01/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cả 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/02/20200, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Mỹ L kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đôi lúc có xảy ra cãi vã do quan điểm không hợp. Vợ chồng chung sống không xảy ra xô sát gì. Tuy nhiên, vợ chồng anh chị ly thân gần một năm nay, trong thời gian ly thân anh vẫn thường xuyên liên lạc với chị L. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh không đồng ý. Trường hợp chị L nhất quyết yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L có hai con chung tên Lê Hoàng P, sinh ngày 20/3/2016 và Lê Hoàng Bích T, sinh ngày 9/01/2018. Trong trường hợp ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Chị Phạm Thị Mỹ L được ly hôn anh Lê Văn T

+ Giao 02 con chung tên Lê Hoàng P, sinh ngày 20/3/2016 và Lê Hoàng Bích T, sinh ngày 9/01/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

+ Dương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại thời điểm Phạm Thị Mỹ L khởi kiện thì anh Lê Văn T đang cư trú tại thôn Lâm Thượng, xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ L và anh Lê Văn T kết hôn vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, do đó hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Chị L yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý. Chị L cho rằng trong quá trình chung sống, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T say xỉn, về nhà la mắng vợ con. Anh T thừa nhận vợ chồng có xảy ra cãi vã nhưng không có xô xát gì và anh chị đã ly thân gần 01 năm. Mặc dù gia đình hai bên của anh chị đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không thể khắc phục được mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng anh chị về đoàn tụ chung sống nhưng không có kết quả, chị L vẫn cương quyết ly hôn với anh T. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có hướng để vợ chồng hàn gắn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn chị L và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

[2.2] Về con chung:

Chị Phạm Thị Mỹ L và anh Lê Văn T có 02 con chung tên Lê Hoàng P, sinh ngày 20/3/2016 và Lê Hoàng Bích T, sinh ngày 9/01/2018. Khi ly hôn, Chị L, anh T đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt, quyền lợi của con chưa thành niên và điều kiện, thu nhập của các bên. Giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được việc nuôi dưỡng con chung, để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về tinh thần của cháu P, cháu T nên Hội đồng xét xử quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy từ khi ly thân đến nay chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P, T và đều có sức khỏe tốt; cháu Thảo dưới 36 tháng tuổi, về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Để đảm bảo cho cháu P, cháu T có thể phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu P, cháu T cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, cháu T.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng tiền nuôi cháu P, cháu T mỗi tháng 1.500.000 đồng, bị đơn không đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con.

Căn cứ vào Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình và Hướng dẫn tại mục 2, phần III Công văn số 24/1999/KHXX, ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao “*Về việc giải đáp bổ sung một số vấn đề áp dụng pháp luật*” thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là hợp lý nhưng nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu P, cháu T đủ 18 tuổi là quá cao. Vì hiện nay bị đơn không có việc làm, thu nhập ổn định; theo mức thu nhập bình quân của địa phương hiện nay thì việc bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là hợp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu P, cháu T đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ L được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Hoàng P, sinh ngày 20/3/2016 và Lê Hoàng Bích T, sinh ngày 9/01/2018 cho chị Phạm Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T cấp dưỡng cho con đối với cháu P, cháu T

mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 18/8/2020.

Anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ L phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002538 ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ Thẩm. Anh Lê Văn T phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (18/8/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đức Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương

